

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS-ST

Ngày: 15/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Hồng

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp V, xã P, huyện C, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1964; *Địa chỉ:* Tổ 1, ấp V, xã P, huyện C, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ 1, ấp V, xã P, huyện C, tỉnh L

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Bà H, bà Đ có mặt; bà T, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông là Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Diễm T số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn H, và bà Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng vào khoảng năm 2010, bà Đ có hỏi mượn tiền vợ chồng ông H, bà T để làm ăn. Bà T đưa trước cho bà Đ 35.000.000 đồng, sau đó ông H đưa tiếp cho bà Đ 35.000.000 đồng, việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà ông H, không có làm biên nhận. Do đã lâu nên ông H không nhớ thời gian cụ thể từng lần giao tiền cho bà Đ. Đến khi hai gia đình xảy ra tranh chấp, ông H và bà T có lập Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013 với nội dung: Tôi tên Nguyễn Thị Đ có mượn của vợ chồng hai cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1988 số tiền là 70.000.000 đồng để làm ăn. Vợ chồng ông H đưa Giấy mượn tiền này cho bà Đ ký tên xác nhận. Khi cho mượn tiền, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền, bà Đ chỉ hứa khi nào có tiền thì trả tiền lại. Tuy nhiên, từ năm 2013 đến nay, vợ chồng ông H có yêu cầu bà Đ trả tiền nhưng bà Đ nói gia đình khó khăn, nên vẫn chưa trả lại số tiền vay cho vợ chồng ông H.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà có vay của bà T 35.000.000 đồng và của ông H 22.000.000 đồng. Bà không nhớ rõ thời gian cụ thể giao nhận số tiền nêu trên, khi giao nhận không có làm giấy tờ. Bà và bà T thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, mỗi tháng trả lãi là 3.500.000 đồng tương ứng số tiền vay là 35.000.000 đồng. Hàng tháng bà T đến nhà bà lấy tiền lãi. Bà trực tiếp trả lãi cho bà T được hơn 12 tháng thì không có khả năng trả tiếp nên bà T không tiếp tục tính lãi. Khi trả lãi không có làm biên nhận hay giấy tờ nên bà không nhớ chính xác số tiền lãi đã trả, thời gian đã trả. Ông H cho bà mượn số tiền 22.000.000 đồng, không tính lãi. Bà có hứa với ông H, bà T khi nào có tiền sẽ trả. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả được. Bà có ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013 nhưng do lúc ký tên bà không đọc kỹ nên không chú ý nội dung số tiền vay. Từ khi ký Giấy mượn tiền đến nay, ông H, bà T không có nhận tiền lãi và không yêu cầu bà trả số tiền đã vay. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 70.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà đồng ý nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi bà đã trả cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Diễm T xác định bà và ông H không có nhận tiền lãi hay tính lãi đối với số tiền cho bà Đ vay, bà không đồng ý với yêu cầu trả dần của bà Đ. Do ông H và bà Đ có quan hệ họ hàng nên vợ chồng bà chỉ cho bà Đ mượn tiền mà không tính lãi, bà không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Đ có ý kiến như sau: Ông có biết việc bà Đ mượn tiền của ông H, bà T để sử dụng trong gia đình nhưng cụ thể vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Ông đồng

ý cùng với vợ ông là bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông H, bà T số tiền bà Đ đã mượn là 70.000.000 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H – bà H trình bày: Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đ, ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 70.000.000 đồng cho vợ chồng ông H; ông H, bà T không đồng ý với yêu cầu trả dần của bà Đ, ông Đ; bà xác định ông H, bà T không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với số tiền vay trên ngay cả trong giai đoạn thi hành án. Bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến, đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng, nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013 xác định bà Nguyễn Thị Đ có vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền là 70.000.000 đồng để làm ăn, chồng bà Đ là ông Đ có biết việc vay tiền này để sử dụng trong gia đình nhưng đến nay vợ chồng bà Đ vẫn chưa thanh toán; không có cơ sở xác định có việc bà Đ trả tiền lãi cho bà T đối với số tiền 35.000.000 đồng như bà Đ trình bày. Do đó, ông Đ, bà Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông H, bà T số tiền 70.000.000 đồng. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Diễm T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, bà T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ông H, bà T và bà Đ đều xác định việc thỏa thuận vay tiền, giao nhận tiền vay diễn ra một thời gian khá lâu trước khi ký Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả; việc giao nhận số tiền vay thực hiện hai lần, không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến. Ông H, bà T cho rằng mỗi lần ông, bà giao cho bà Đ là 35.000.000 đồng, không tính lãi đối với số tiền vay. Bà Đ cho rằng bà nhận 35.000.000 đồng từ bà T, sau đó ông H giao tiếp cho bà 22.000.000 đồng, ông H không tính lãi nhưng bà T có tính và thu tiền lãi đối với số tiền bà T giao cho bà với lãi suất 10%/tháng. Đến khi ông H, bà T làm Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013, bà Đ xác nhận có ký tên vào Giấy mượn tiền nhưng do không đọc kỹ nên không biết việc ông H, bà T ghi số tiền vay là 70.000.000 đồng thay vì số tiền 57.000.000 đồng. Tuy nhiên bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng

minh cho lời trình bày này. Bà Đ xác nhận chữ ký “Đ” trong Giấy mượn tiền ghi ngày 01/01/2013 do ông H cung cấp là chữ ký của bà. Căn cứ nội dung Giấy mượn tiền ngày 01/01/2017 xác định số tiền bà Đ vay của ông H, bà T là 70.000.000 đồng, thỏa thuận vay tiền giữa ông H, bà T, bà Đ là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 471, 477 Bộ luật Dân sự 2005.

Tuy không có sự thống nhất về số tiền vay, nhưng bà Đ thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 01/01/2013, đồng ý trả cho ông H, bà T số tiền 70.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần. Bà Đ, ông Đ là vợ chồng, ông Đ có biết việc bà Đ vay tiền từ vợ chồng ông H, bà T để sử dụng trong gia đình, và ông đồng ý cùng với bà Đ liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng cho ông H, bà T. Qua đó xác định trách nhiệm liên đới giữa bà Đ, ông Đ trong việc thanh toán số tiền 70.000.000 đồng cho ông H, bà T. Ông H, bà T không đồng ý với đề nghị trả dần của bà Đ, ông Đ nên không có cơ sở ghi nhận việc trả dần của bà Đ, ông Đ. Do đó, căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, buộc bà Đ, ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H, bà T số tiền 70.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Không có cơ sở xác định việc bà Đ có trả tiền lãi cho bà T với mức lãi suất 10%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần tiền lãi đã trả theo lời trình bày của bà Đ. Ông H, bà T, bà H xác định chỉ yêu cầu bà Đ, ông Đ trả số tiền 70.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu trả bất kỳ khoản tiền lãi nào, kể cả tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền 70.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông H, bà T.

[3] Về án phí: Bà Đ, ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị Đ. Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Diễm T.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Diễm T về việc không buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu khoản tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo Biên lai thu số 0009181 ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cần Giuộc.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An